

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09 - 9 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi

con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Bà Nguyễn Thị Kim Thanh;

2, Bà Đoàn Thị Mến.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 140/2021/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị X**, sinh năm 1997

Trú tại: Thôn 13, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1995

Trú tại: Thôn 13, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đặng Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015 chị X và anh Nguyễn Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ huyện L tỉnh Yên Bái ngày 21

tháng 12 năm 2015. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Chị X và anh X sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

Về con chung: Chị X và anh X có hai con chung con lớn nhất Nguyễn Kim T, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2014; con nhỏ nhất Nguyễn Thành L, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2016 con chung hiện đang ở với chị X, khi ly hôn chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành phiên hoà giải nhiều lần, nhưng anh X không có mặt, Tòa án đã lập biên bản không hoà giải được. Tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến đối với Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng, nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, anh X vắng mặt chưa hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ kiện.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị X ly hôn với anh X. Về con chung, căn cứ điều kiện về chỗ ở, thu nhập yêu cầu của chị X nguyện vọng của con chung. Giao cho chị X là người trực tiếp nuôi con chung, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, theo đơn khởi kiện của chị Đặng Thị X, do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn 13, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do anh X được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân: chị Đặng Thị X và anh Nguyễn Văn X kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ huyện L tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này qua lời khai của các đương sự, do quan điểm sống không phù hợp mỗi người một tính cách, anh X không tu chí làm ăn, ham chơi thảnh thơi đánh bạc. Do đó chị X và anh X đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Trên thực tế vợ chồng chị X, anh X thường xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay là đúng, căn cứ biên bản xác minh ngày 17-8-2021 tại thôn 13, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị X và anh X đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị X được ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

[3] Về con chung: Chị X và anh X có hai con chung con lớn nhất Nguyễn Kim T, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2014; con nhỏ nhất Nguyễn Thành L, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2016 con chung hiện đang ở với chị X, khi ly hôn chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ thu nhập hiện tại chị X là nghề tự do, thu nhập trung bình hằng tháng là 6.000.000,đ (Sáu triệu đồng), điều kiện chỗ ở ổn định, chị X có yêu cầu được nuôi con chung, là phù hợp với nguyện vọng của con chung, các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X được nuôi con chung. Do chị X không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: chị Đặng Thị X phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị X được ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Kim T, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2014; Nguyễn Thành L, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2016 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh X có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị X phải nộp 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số: AA/2017/0008600 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm chị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh X vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh